

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BUÔN ĐÔN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 14/2020/DSST.

Ngày 10/9/2020.

V/v: *Tranh chấp hợp  
đồng mua bán tài sản.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Sơn.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Thị Mai Thu.

2/ Ông Hoàng Văn Thu.

*Thư ký phiên tòa :* Ông Đinh Ngọc Lương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 84/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST- DS ngày 26/8/2020. Giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy N – sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Đội B, xã E, huyện C tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2/ Bị đơn: Bà Phạm Thị H – sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk– vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Thanh A – sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk– có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Huy N trình bày:*

Do mối quan hệ làm ăn buôn bán với nhau nên trong năm 2019 ông có bán thịt bò cho vợ chồng bà H để vợ chồng bà H buôn bán, sau khi đối chiếu và hai bên chốt nợ cụ thể: Lần 1 ngày 12/10/2019 chốt nợ, bà H còn nợ của ông số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), hạn trả ngày 12/12/2019 (viết giấy chốt nợ với hình thức là giấy vay tiền); Lần 2: ngày 15/12/2019 chốt nợ, bà H còn nợ của ông số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng), hạn trả ngày 15/01/2020. Tổng cộng hai lần chốt nợ bà H còn nợ tiền mua thịt bò là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Trong tháng 01/2020 ông Bùi Thanh A (chồng bà H) trả được 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), đến tháng 03/2020 ông A trả tiếp 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn lại 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) ông đòi nhiều lần vợ chồng bà H, ông A không chịu trả.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông A thanh toán cho ông số nợ nêu trên.

Tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết bà H thừa nhận lời khai của ông Nguyễn Huy N về khoản nợ nêu trên là đúng, theo bà thì hiện đang khó khăn nên chưa có trả cho ông N được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh A trình bày: Vợ chồng ông mở quán bán lẩu bò, trong năm 2019 vợ ông mua thịt bò của ông Nguyễn Huy N nhiều lần tổng số nợ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng, ông trả 02 lần được 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), hiện còn nợ 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) như trình bày của ông Nguyễn Huy N là đúng, theo ông thì số nợ này khi nào bán được đất rẫy cà phê thì mới có trả cho ông N.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 401, Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huy N.

Buộc vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Bùi Thanh A phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy N số tiền còn nợ là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà Phạm Thị H vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của bà H không ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bà H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Do mối quan hệ làm ăn buôn bán với nhau nên trong năm 2019 ông Nguyễn Huy N có bán thịt bò cho vợ chồng bà H để vợ chồng bà

H buôn bán, sau khi đối chiếu nợ và hai bên chốt nợ cụ thể: Lần 1 ngày 12/10/2019 chốt nợ, bà H còn nợ của ông N số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), hạn trả ngày 12/12/2019 (viết giấy chốt nợ với hình thức là giấy vay tiền); Lần 2: ngày 15/12/2019 chốt nợ, bà H còn nợ của ông N số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng), hạn trả ngày 15/01/2020. Tổng cộng hai lần chốt nợ bà H còn nợ tiền mua thịt bò của ông Nguyễn Huy N là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Trong tháng 01/2020 ông Bùi Thanh A (chồng bà H) trả cho ông N được 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), đến tháng 03/2020 ông A trả tiếp 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn lại 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), do đòi nợ nhiều lần không được nên ông Nguyễn Huy N khởi kiện.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải vợ chồng ông A, bà H thừa nhận nợ nhưng không ấn định được thời hạn trả nợ và đề nghị Tòa án xét xử.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Huy N xác lập giao dịch mua bán tài sản nêu trên thì đây là giao dịch dân sự tự nguyện, sự thỏa thuận phù hợp quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 401 và 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Vợ chồng có nghĩa vụ chung sau đây: “*nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”, mặc dù khoản nợ do bà H đứng ra giao dịch, nhưng đây là khoản nợ nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc ông Bùi Thanh A cùng bà Phạm Thị H trả nợ cho ông Nguyễn Huy N.

Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huy N và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, buộc vợ chồng bà Phạm Thị H và ông Bùi Thanh A phải có nghĩa vụ trả cho nợ ông Nguyễn Huy N số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) phù hợp.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 401, Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTWQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huy N.

1/ Buộc vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Bùi Thanh A phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy N số tiền còn nợ là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: Vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Bùi Thanh A phải chịu 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, Trả lại cho ông Nguyễn Huy N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010640 ngày 29/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**+ Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu HS - VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.**  
(Đã ký)

**Bùi Xuân Sơn**